

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**  
*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2019  
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2019**



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long

Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 26



## **CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long  
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2019.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng Quản trị**

Bà Nguyễn Tiểu Mai	Chủ tịch
Bà Ngô Thu Mật	Ủy viên
Bà Điền Dục Thanh	Ủy viên
Bà Nguyễn Chính Chi	Ủy viên
Bà Lý Tiên Lệ	Ủy viên
Ông Phạm Ngọc Nam	Ủy viên
Ông Nguyễn Khởi Phát	Ủy viên
Bà Đào Ngọc Hoa	Ủy viên
Ông Lê Quốc Thắng	Ủy viên

##### **Ban Giám đốc**

Ông Đỗ Trí Vỹ	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc
Bà Cao Thị Huyền	Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2019)
Bà Nguyễn Linh Chi	Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2019)

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long  
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

---

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



A red circular stamp with the text "CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA" and "H. P. H. QUẢNG NINH" around the perimeter. The stamp number "M.S.D.N: 5700102119 - C.T.C.P." is also visible. A blue ink signature is written over the stamp.

**Phạm Ngọc Nam**

**Phó Tổng Giám đốc**

(Theo Giấy Ủy quyền ngày 01 tháng 8 năm  
2019 của Tổng Giám đốc)

Ngày 12 tháng 8 năm 2019





Số: 0225 /VN1A-HN-BC

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2019, từ trang 06 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2019 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành cuộc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2019, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Trần Huy Công**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0891-2018-001-1

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 12 tháng 8 năm 2019  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị: USD

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>3.383.695</b>	<b>8.230.158</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>1.853.385</b>	<b>5.039.028</b>
1. Tiền	111		1.853.385	4.205.483
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	833.545
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>748.917</b>	<b>2.352.509</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	354.186	1.961.471
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	361.709	359.271
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		36.022	43.767
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(3.000)	(12.000)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>746.939</b>	<b>829.257</b>
1. Hàng tồn kho	141		746.939	829.257
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>34.454</b>	<b>9.364</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		34.454	9.364
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>40.707.293</b>	<b>41.667.667</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>36.108.519</b>	<b>36.995.539</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	35.687.106	36.452.486
- Nguyên giá	222		54.185.160	53.788.167
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.498.054)	(17.335.681)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	421.413	543.053
- Nguyên giá	228		4.480.882	4.480.882
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.059.469)	(3.937.829)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>3.816.118</b>	<b>3.860.937</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	3.816.118	3.860.937
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>419.411</b>	<b>419.411</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5	419.411	419.411
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>363.245</b>	<b>391.780</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		140.479	196.435
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		600	2.400
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		222.166	192.945
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>44.090.988</b>	<b>49.897.825</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị: USD

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>6.220.583</b>	<b>8.672.550</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>5.075.050</b>	<b>7.202.490</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	517.767	483.969
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		81.856	21.026
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	452.190	2.064.977
4. Phải trả người lao động	314		488.092	495.063
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		12.238	14.374
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	606.043	1.056.538
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	2.916.864	3.066.543
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.145.533</b>	<b>1.470.060</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	14	1.145.533	1.145.533
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	-	324.527
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>37.870.405</b>	<b>41.225.275</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>37.870.405</b>	<b>41.225.275</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		42.309.870	42.309.870
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		42.309.870	42.309.870
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.027.169	5.027.169
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		649.326	649.326
4. (Lỗ) lũy kế	421		(10.115.960)	(6.761.090)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(6.761.090)	(7.516.771)
- (Lỗ)/Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		(3.354.870)	755.681
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>44.090.988</b>	<b>49.897.825</b>



**Mai Thị Dung**  
 Người lập biểu



**Cao Thị Huyền**  
 Kế toán trưởng



**Phạm Ngọc Nam**  
 Phó Tổng Giám đốc



Ngày 12 tháng 8 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị: USD

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>20</b>	<b>3.372.991</b>	<b>5.675.939</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>3.372.991</b>	<b>5.675.939</b>
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		5.194.196	4.514.728
<b>5. (Lỗ)/Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>(1.821.205)</b>	<b>1.161.211</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	140.261	124.247
7. Chi phí tài chính	22	23	178.675	140.569
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23	141.821	133.992
8. Chi phí bán hàng	25	25	450.192	487.129
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	943.493	933.355
<b>10. (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(25+26))</b>	<b>30</b>		<b>(3.253.304)</b>	<b>(275.595)</b>
11. Thu nhập khác	31	24	15.857	379.228
12. Chi phí khác	32		115.623	73.278
<b>13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(99.766)</b>	<b>305.950</b>
<b>14. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(3.353.070)</b>	<b>30.355</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		1.800	15.018
<b>17. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>(3.354.870)</b>	<b>15.337</b>
18. (Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	(0,0477)	0,0002



**Mai Thị Dung**  
 Người lập biểu

Ngày 12 tháng 8 năm 2019



**Cao Thị Huyền**  
 Kế toán trưởng



**Phạm Ngọc Nam**  
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị: USD

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>(3.353.070)</b>	<b>30.355</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.284.013	1.387.877
Các khoản dự phòng	03	(9.000)	(86.553)
Lỗ/(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	18.470	(8.902)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	-	(3.875)
Chi phí lãi vay	06	141.821	133.992
<b>3. (Lỗ)/Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(1.917.766)</b>	<b>1.452.894</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	1.612.579	(1.822.485)
Thay đổi hàng tồn kho	10	53.097	(202.289)
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.922.206)	805.405
Thay đổi chi phí trả trước	12	49.460	(5.095)
Tiền lãi vay đã trả	14	(143.950)	(135.466)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(2.268.786)</b>	<b>92.964</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(435.709)	(736.829)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(435.709)</b>	<b>(736.829)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.024.921	2.567.344
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(6.494.728)	(2.516.156)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(469.807)</b>	<b>51.188</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(3.174.302)</b>	<b>(592.677)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>5.039.028</b>	<b>4.093.028</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(11.341)	(23.179)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>1.853.385</b>	<b>3.477.172</b>



**Mai Thị Dung**  
 Người lập biểu

Ngày 12 tháng 8 năm 2019



**Cao Thị Huyền**  
 Kế toán trưởng



**Phạm Ngọc Nam**  
 Phó Tổng Giám đốc



Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được chuyển đổi hình thức hoạt động từ công ty liên doanh nước ngoài theo Nghị định số 38/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15 tháng 4 năm 2003 về việc chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và Thông tư liên tịch số 08/TTLT-BKH-BTC của Bộ Kế hoạch - Đầu tư và Bộ Tài chính ngày 29 tháng 12 năm 2003 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 38/2003/NĐ-CP. Ngày 15 tháng 6 năm 2005, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư số 953 CPH/GP cho phép Công ty Liên doanh TNHH Quốc tế Hoàng Gia chuyển thành Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia với mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần như sau:

- Mệnh giá cổ phần: 01 Đô la Mỹ/cổ phần
- Vốn điều lệ: 21.000.000 Đô la Mỹ
- Tổng số lượng cổ phần: 21.000.000 cổ phần.

Ngày 14 tháng 3 năm 2006, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư sửa đổi số 953 CPH/GPĐC1 chấp thuận việc chuyển đổi đồng tiền ghi mệnh giá cổ phần của Công ty. Theo đó, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 332.136.000.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 33.213.600 cổ phần.

Công ty đã thực hiện các lần tăng vốn điều lệ và vốn đầu tư qua các năm. Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi gần nhất số 544.2194.665 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 17 tháng 7 năm 2018, vốn đầu tư của Công ty là 67.000.000 USD tương đương 1.171.473.560.000 VND và vốn điều lệ là 42.309.869,89 USD tương đương 703.687.540.000 VND.

Chủ sở hữu (Công ty mẹ) của Công ty là Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp (thành lập tại George Town, Đảo Grand Cayman, Quần đảo Cayman).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 1.325 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 1.315 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Công ty hoạt động trong ngành kinh doanh khách sạn và duy trì một khu biệt lập trong khuôn viên dự án để kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng và casino.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng và kinh doanh một khu khách sạn đạt tiêu chuẩn năm sao, kinh doanh trò chơi có thưởng dành riêng cho người nước ngoài cùng các hoạt động vui chơi giải trí tại phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Ngoài ra, Công ty được phép làm Đại lý đối ngoại tệ theo Giấy chứng nhận số 1060/NHNN-QNN1 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh cấp ngày 28 tháng 11 năm 2008.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ**

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán và số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 đã được soát xét.



## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đô la Mỹ (USD), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Việc trình bày báo cáo tài chính bằng Đô la Mỹ đã được đăng ký và được Bộ Tài chính trả lời tại Công văn số 7554/BTC-CĐKT ngày 12 tháng 6 năm 2013. Theo đó, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá quy định về lựa chọn đơn vị tiền tệ trong kế toán tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và xác định rằng việc trình bày báo cáo tài chính của Công ty bằng Đô la Mỹ là phù hợp với quy định hiện hành cũng như cần thiết để phản ánh bản chất kinh tế của các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### **Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.



Riêng đối với các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia, dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên số dư trừ phần đặt cọc và tính theo tuổi nợ như sau:

<u>Thời gian nợ (tháng)</u>	<u>Tỷ lệ dự phòng (%)</u>
0 - 1	3
1 - 2	6,25
2 - 3	12,50
3 - 4	25
4 - 5	50
5 - 6	75
Trên 6 tháng	100

### **Chính sách tín dụng đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia**

Ngày 01 tháng 01 năm 2010, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành chính sách tín dụng sửa đổi đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia. Theo đó, tổng hạn mức tín dụng cho khách chơi không vượt quá 9 triệu USD. Các khoản nợ từ 1,5 triệu USD trở lên phải có tài sản đảm bảo ít nhất là 50% giá trị khoản nợ, thời hạn cho nợ tối đa là 1 năm đối với các khoản nợ có tài sản đảm bảo và tối đa là 6 tháng đối với các khoản nợ không có tài sản đảm bảo. Khách hàng được cho nợ dưới dạng chip để chơi tại Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia và được hoàn trả bằng chip hoặc bằng tiền.

### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí khác có liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định như sau:

#### **Loại hàng tồn kho**

Hàng ăn  
Hàng giải khát  
Hàng lưu niệm, mỹ nghệ  
Vật tư khác

#### **Phương pháp tính giá**

Nhập trước - Xuất trước  
Bình quân gia quyền  
Giá đích danh  
Nhập trước - Xuất trước

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Kỳ này</u> <u>(Số năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	35
Máy móc, thiết bị	10
Thiết bị văn phòng	5 - 10
Phương tiện vận tải	8
Tài sản cố định khác	5



### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất thể hiện giá trị quyền sử dụng 6,5 ha đất tại phường Bãi Cháy - TP. Hạ Long trong thời gian của Giấy phép đầu tư là 26 năm và 7 tháng bắt đầu từ ngày 13 tháng 8 năm 1994. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Các phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 5 - 10 năm kể từ ngày bắt đầu sử dụng.

### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các khoản chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

### **Ghi nhận doanh thu**

#### *Doanh thu từ hoạt động trò chơi có thưởng*

Doanh thu đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia được xác định theo ngày đối với hoạt động chơi bài tại bàn chơi và mười ngày một lần đối với hoạt động kinh doanh bằng máy nạp xèng, cụ thể:

- Doanh thu hoạt động chơi bài tại bàn chơi được ghi nhận trên cơ sở sổ chênh lệch giữa số chip cuối ca trừ (-) số chip đầu ca tại từng bàn chơi cộng (+) số chip chuyển từ bàn chơi vào quầy trừ (-) số chip chuyển từ quầy ra bàn chơi. Kết quả này không phụ thuộc vào việc đã thu được tiền hay chưa.
- Doanh thu hoạt động kinh doanh bằng máy nạp xèng bằng số tiền thu được do đổi cho khách tại quầy thu ngân trước khi chơi trừ đi số tiền trả lại cho khách.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản lỗ tính thuế sẽ được kiểm tra và phê duyệt bởi cơ quan thuế địa phương và có thể được kết chuyển sang để bù trừ với lợi nhuận tính thuế của Công ty nhưng không quá 5 năm tiếp theo kể từ năm phát sinh lỗ tính thuế. Công ty không có tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào được ghi nhận liên quan đến khoản lỗ tính thuế này do không chắc chắn về khả năng thực hiện trong tương lai.



Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Tiền mặt	1.630.367	2.071.915
Tiền gửi ngân hàng	223.018	2.133.568
Các khoản tương đương tiền	-	833.545
	<b><u>1.853.385</u></b>	<b><u>5.039.028</u></b>

**5. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>USD</u>		<u>USD</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia	419.411	-	419.411	-
	<b><u>419.411</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>419.411</u></b>	<b><u>-</u></b>

Giá trị vốn góp tương ứng với 2,25% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia. Công ty đã đánh giá giá trị khoản đầu tư này và xác định không cần phải trích lập dự phòng.

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Đại lý Long Bay	100.531	1.107.636
Ông Fu Yu Shing	50.000	100.000
Ông Tang Yu Hua	50.000	100.000
Công ty TNHH Phát triển du lịch Chúng Phát	45.783	139.086
Khách đoàn Long Bay	40.423	260.832
Ông Liu Chung Chi	-	200.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	67.449	53.917
	<b><u>354.186</u></b>	<b><u>1.961.471</u></b>

**7. TRẢ TRƯỚC NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	USD	USD
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ THC Hà Nội	71.874	57.631
Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Gia Huy	56.840	53.686
Công ty TNHH Cơ điện và Công nghệ an toàn Thăng Long	34.205	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Pentens	32.970	32.970
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển NME	30.872	-
Công ty TNHH Trang trí nội thất Webort	28.987	37.688
Công ty TNHH Dự Thành	26.002	22.153
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng và Đầu tư CPI	-	61.661
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thiên Phúc	-	47.401
Khác	79.959	46.081
	<b>361.709</b>	<b>359.271</b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	USD		USD	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	572.447	-	656.252	-
Hàng hóa	174.492	-	173.005	-
	<b>746.939</b>	<b>-</b>	<b>829.257</b>	<b>-</b>

**9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị văn phòng</u>	<u>Tài sản cổ định khác</u>	<u>Tổng</u>
	USD	USD	USD	USD	USD	USD
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu kỳ	38.566.885	11.731.924	1.155.226	845.428	1.488.704	53.788.167
Tăng từ XDCB hoàn thành	136.475	116.786	-	-	-	253.261
Mua trong kỳ	-	113.455	30.277	-	-	143.732
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>38.703.360</b>	<b>11.962.165</b>	<b>1.185.503</b>	<b>845.428</b>	<b>1.488.704</b>	<b>54.185.160</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư đầu kỳ	7.015.082	7.522.531	689.383	730.056	1.378.629	17.335.681
Khấu hao trong kỳ	451.066	531.050	61.917	32.302	86.038	1.162.373
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>7.466.148</b>	<b>8.053.581</b>	<b>751.300</b>	<b>762.358</b>	<b>1.464.667</b>	<b>18.498.054</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Số dư đầu kỳ	<b>31.551.803</b>	<b>4.209.393</b>	<b>465.843</b>	<b>115.372</b>	<b>110.075</b>	<b>36.452.486</b>
Số dư cuối kỳ	<b>31.237.212</b>	<b>3.908.584</b>	<b>434.203</b>	<b>83.070</b>	<b>24.037</b>	<b>35.687.106</b>



Như trình bày tại Thuyết minh số 15, Công ty đã thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 32.481.592 USD (31 tháng 12 năm 2018: 35.848.806 USD) để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Trong số tài sản cố định hữu hình có một số tài sản tạm thời dừng sửa chữa với giá trị còn lại là 145.134 USD (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 147.137 USD).

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 4.254.201 USD (31 tháng 12 năm 2018: 2.008.006 USD).

**10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Phần mềm kế toán</b>	<b>Tổng</b>
	<b>USD</b>	<b>USD</b>	<b>USD</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu kỳ	4.394.268	86.614	4.480.882
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>4.394.268</b>	<b>86.614</b>	<b>4.480.882</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu kỳ	3.859.197	78.632	3.937.829
Khấu hao trong kỳ	118.904	2.736	121.640
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>3.978.101</b>	<b>81.368</b>	<b>4.059.469</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số dư đầu kỳ	<b>535.071</b>	<b>7.982</b>	<b>543.053</b>
Số dư cuối kỳ	<b>416.167</b>	<b>5.246</b>	<b>421.413</b>

Như trình bày tại Thuyết minh số 15, Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 75.239 USD (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 61.715 USD).

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG**

Biến động trong kỳ:

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
	<b>USD</b>	<b>USD</b>
Số đầu kỳ	3.860.937	3.003.379
Tăng trong kỳ	227.036	116.770
Kết chuyển sang tài sản cố định	(253.261)	(180.932)
Giảm khác	(18.594)	(71.817)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>3.816.118</b>	<b>2.867.400</b>

Chi tiết số dư:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	USD	USD
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
- Khách sạn và biệt thự Hoàng Gia	1.259.486	1.106.514
+ Sửa chữa lớn biệt thự	772.335	706.237
+ Các dự án mới	487.151	400.277
- Cầu lạc bộ	-	197.791
- Nhà đa năng (*)	2.556.632	2.556.632
	<b>3.816.118</b>	<b>3.860.937</b>

(\*) Nhà đa năng đã được đầu tư từ ngày 10 tháng 4 năm 2015 với tổng mức đầu tư được Hội đồng Quản trị phê duyệt là 200 tỷ VND (tương đương 9,5 triệu USD theo tỷ giá tạm tính 21.000 VND/USD - xem thêm tại Thuyết minh số 28), việc thi công xây dựng đang tạm dừng sau khi Công ty và đơn vị ký hợp đồng thuê nhà đa năng là Công ty TNHH Quốc tế Diệu Doanh ký thỏa thuận thanh lý hợp đồng thuê nhà đa năng ngày 28 tháng 12 năm 2018. Hiện tại Công ty đang tích cực tìm kiếm các đối tác khác để hoàn thiện công trình và cho thuê.

## 12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	USD	USD	USD	USD
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Tập đoàn thể kỷ Golden	84.000	84.000	-	-
Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Đỉnh Nga	25.397	25.397	17.286	17.286
Công ty TNHH Dự Thành	23.661	23.661	86.826	86.826
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ THC Hà Nội	22.962	22.962	37.669	37.669
Phải trả cho các đối tượng khác	361.747	361.747	342.188	342.188
<b>Cộng</b>	<b>517.767</b>	<b>517.767</b>	<b>483.969</b>	<b>483.969</b>

## 13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã thực nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
	USD	USD	USD	USD
Thuế giá trị gia tăng	529.318	226.315	593.060	162.573
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	12.346	12.346	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.368.595	280.222	1.445.766	203.051
Thuế nhập khẩu	-	16.800	16.800	-
Thuế thu nhập cá nhân	43.341	96.272	78.651	60.962
Thuế khác	123.723	74.769	172.888	25.604
<b>Cộng</b>	<b>2.064.977</b>	<b>706.724</b>	<b>2.319.511</b>	<b>452.190</b>

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ USD	Số đầu kỳ USD
a) Ngắn hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	51.024	20.203
- Đại lý Thiên Địa Hối	30.821	-
- Công ty TNHH Phát triển du lịch Chúng Phát	20.203	20.203
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	555.019	1.036.335
+ Phải trả Công ty TNHH Quốc tế Diệu Doanh (i)	176.303	730.231
+ Chip trôi nổi	67.578	121.022
+ Bảo hành xây dựng	96.901	108.348
+ Tiền phải trả về đền bù cho hộ dân	6.452	6.478
+ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	77.937	(354)
+ Khác	129.848	70.610
<b>Cộng</b>	<b>606.043</b>	<b>1.056.538</b>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.145.533	1.145.533
- Đại lý Long Bay	1.145.533	1.145.533
<b>Cộng</b>	<b>1.145.533</b>	<b>1.145.533</b>

(i) Phản ánh khoản phải trả Công ty TNHH Quốc tế Diệu Doanh theo biên bản thanh lý hợp đồng thuê nhà đa năng ngày 28 tháng 12 năm 2018.

00  
TY  
HỮU  
TT  
IAM  
TP. Y



15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu kỳ USD		Trong kỳ USD		Số cuối kỳ USD	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh (i)	-	-	2.283.444	-	2.283.444	2.283.444
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	2.154.593	2.154.593	2.838.144	4.992.737	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long (ii)	635.671	635.671	903.054	905.305	633.420	633.420
Vay dài hạn đến hạn trả	276.279	276.279	-	276.279	-	-
	<b>3.066.543</b>	<b>3.066.543</b>	<b>6.024.642</b>	<b>6.174.321</b>	<b>2.916.864</b>	<b>2.916.864</b>

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh bằng VND theo hợp đồng tín dụng kỳ ngày 25 tháng 6 năm 2019 với hạn mức tín dụng 100 tỷ VND tương đương 4,30 triệu USD (tỷ giá 23.260 VND/USD) và hết hiệu lực hạn mức vào ngày 25 tháng 6 năm 2020. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thương xuyên của Công ty. Khoản vay này chịu lãi suất 9,5%/năm trong vòng 03 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân và được điều chỉnh 03 tháng một lần theo thông báo của Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay được thế chấp bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và các công trình xây dựng trên đất thuộc dự án "Khách sạn 5 sao và các công trình vui chơi giải trí" cùng với các máy móc thiết bị kèm theo.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long bằng VND theo hợp đồng tín dụng kỳ ngày 05 tháng 9 năm 2018 với hạn mức tín dụng 15 tỷ VND tương đương 645 ngàn USD (tỷ giá 23.260 VND/USD) và hết hiệu lực hạn mức vào ngày 05 tháng 9 năm 2019. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thương xuyên của Công ty. Khoản vay này có lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long cho từng thời kỳ. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay này được thế chấp bằng hệ thống máy móc, thiết bị phân phối điện.

16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu kỳ USD		Trong kỳ USD		Số cuối kỳ USD	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	324.527	324.527	-	324.527	-	-
	<b>324.527</b>	<b>324.527</b>	<b>-</b>	<b>324.527</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ USD	Thặng dư vốn cổ phần USD	Quỹ đầu tư phát triển USD	(Lỗ) lũy kế USD	Tổng USD
Số dư đầu kỳ trước	42.309.870	5.027.169	649.326	(7.515.271)	40.471.094
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	15.337	15.337
Số dư cuối kỳ trước	42.309.870	5.027.169	649.326	(7.499.934)	40.486.431
Số dư đầu kỳ này	42.309.870	5.027.169	649.326	(6.761.090)	41.225.275
(Lỗ) trong kỳ	-	-	-	(3.354.870)	(3.354.870)
Số dư cuối kỳ này	42.309.870	5.027.169	649.326	(10.115.960)	37.870.405

**Số cổ phiếu đang lưu hành**

	Số cuối kỳ Cổ phiếu	Số đầu kỳ Cổ phiếu
Cổ phiếu được duyệt	70.368.754	70.368.754
Cổ phiếu phổ thông	70.368.754	70.368.754
Cổ phiếu đang lưu hành	70.368.754	70.368.754
Cổ phiếu phổ thông	70.368.754	70.368.754

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu.

**Vốn đầu tư và vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty lần lượt là 1.171.473.560.000 VND và 703.687.540.000 VND (tương đương 67.000.000 USD và 42.309.869,89 USD) (31 tháng 12 năm 2018: 1.171.473.560.000 VND và 703.687.540.000 VND). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi	Vốn đã góp					
		Số cuối kỳ		Số đầu kỳ			
	'000 VND	USD	'000 VND quy đổi	%	USD	'000 VND quy đổi	%
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	369.386.320	22.219.546	369.386.320	52,49	22.219.546	369.386.320	52,49
Bà Ngô Thu Mật	22.619.800	1.374.987	22.619.800	3,21	1.374.987	22.619.800	3,21
Ông Nguyễn Khởi Phát	18.880.920	1.149.924	18.880.920	2,68	1.149.924	18.880.920	2,68
Bà Nguyễn Tiểu Mai	17.709.550	1.069.089	17.709.550	2,52	1.069.089	17.709.550	2,52
Các nhà đầu tư khác	275.090.950	16.496.324	275.090.950	39,10	16.496.324	275.090.950	39,10
<b>Cộng</b>	<b>703.687.540</b>	<b>42.309.870</b>	<b>703.687.540</b>	<b>100</b>	<b>42.309.870</b>	<b>703.687.540</b>	<b>100</b>



**18. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
VND	17.195.735.506	5.215.686.869
JMP	83.453	50.641
NTD	54.500	-
HKD	16.900	5.000
THB	16.000	-
EUR	100	-
KRW	-	1.200.000
SGD	-	50

**19. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH**

Công ty thực hiện phân cấp quản lý theo hạng mục kinh doanh và gồm 02 bộ phận kinh doanh là Câu lạc bộ và Khách sạn - Biệt thự với hoạt động chính như sau:

- Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia:

Kinh doanh trò chơi có thưởng - đây là hoạt động mang tính chất thời vụ, không ổn định. Doanh thu phát sinh phụ thuộc vào số lượng các đoàn khách đến chơi và kết quả chơi của khách.

- Khách sạn - biệt thự Hoàng Gia:

Cho thuê phòng khách sạn, biệt thự, dịch vụ ăn uống và các dịch vụ liên quan khác.

Các thông tin về hoạt động kinh doanh theo bộ phận của Công ty như sau:

**Kỳ này**

	<u>Câu lạc bộ</u>	<u>Khách sạn và Biệt thự Hoàng Gia</u>	<u>Bù trừ</u>	<u>Tổng cộng</u>
	USD	USD	USD	USD
1. Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và dịch vụ ra bên ngoài	837.660	2.535.331	-	3.372.991
2. Khấu hao và chi phí phân bổ	438.111	894.730	-	1.332.841
<b>3. Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(3.289.064)</b>	<b>35.760</b>	<b>-</b>	<b>(3.253.304)</b>
4. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và tài sản dài hạn khác tăng trong kỳ	385.380	11.613	-	396.993
5. Tài sản bộ phận	9.041.413	31.188.630	(15.314.175)	24.915.868
6. Tài sản không phân bổ	-	-	-	19.175.120
<b>Tổng tài sản</b>	<b>9.041.413</b>	<b>31.188.630</b>	<b>(15.314.175)</b>	<b>44.090.988</b>
7. Nợ phải trả bộ phận	17.690.586	705.949	(15.314.175)	3.082.360
8. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	3.138.223
<b>Tổng Nợ phải trả</b>	<b>17.690.586</b>	<b>705.949</b>	<b>(15.314.175)</b>	<b>6.220.583</b>

**Kỳ trước**

	Khách sạn và		Bù trừ	Tổng cộng
	Câu lạc bộ	Biệt thự Hoàng Gia		
	USD	USD	USD	USD
1. Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và dịch vụ ra bên ngoài	3.569.857	2.106.082	-	5.675.939
2. Khấu hao và chi phí phân bổ	488.296	843.440	-	1.331.736
<b>3. Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>245.117</b>	<b>(520.712)</b>	-	<b>(275.595)</b>
4. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và tài sản dài hạn khác tăng trong kỳ	28.928	261.289	-	290.217
5. Tài sản bộ phận	11.977.305	32.455.421	(13.172.945)	31.259.781
6. Tài sản không phân bổ	-	-	-	18.570.945
<b>Tổng tài sản</b>	<b>11.977.305</b>	<b>32.455.421</b>	<b>(13.172.945)</b>	<b>49.830.726</b>
7. Nợ phải trả bộ phận	17.862.620	2.122.073	(13.172.945)	6.811.748
8. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	2.532.547
<b>Tổng Nợ phải trả</b>	<b>17.862.620</b>	<b>2.122.073</b>	<b>(13.172.945)</b>	<b>9.344.295</b>

**20. DOANH THU**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	USD	USD
Doanh thu phòng nghỉ	1.680.939	1.357.846
Doanh thu dịch vụ ăn uống, giải khát	735.941	594.020
Doanh thu chip	367.790	3.169.888
Doanh thu xèng	469.870	399.968
Doanh thu dịch vụ khác	118.451	154.217
	<b>3.372.991</b>	<b>5.675.939</b>

**21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	USD	USD
Chi phí thực phẩm và đồ uống	313.737	257.731
Chi phí nhân công	3.918.388	3.224.666
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.284.013	1.387.877
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí phân bổ và chi phí khác	1.071.743	1.064.938
	<b>6.587.881</b>	<b>5.935.212</b>

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	USD	USD
Lãi tiền gửi	5.304	37.925
Lãi chênh lệch tỷ giá	66.814	28.198
Doanh thu hoạt động tài chính khác	68.143	58.124
	<b>140.261</b>	<b>124.247</b>

112  
 CÔNG  
 NIỆM  
 LO  
 ỆT  
 ĐA



**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	USD	USD
Chi phí lãi vay	141.821	133.992
Lỗ chênh lệch tỷ giá	36.854	6.577
	<b>178.675</b>	<b>140.569</b>

**24. THU NHẬP KHÁC**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	USD	USD
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	3.875
Thu nhập từ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước	-	166.041
Ghi giảm các khoản công nợ phải trả (*)	11.753	126.790
Các khoản thu nhập khác	4.104	82.522
	<b>15.857</b>	<b>379.228</b>

(\*) Thể hiện giá trị các khoản phải trả người bán, phải trả tiền bảo hành được ghi giảm theo Quyết định của Tổng Giám đốc ngày 30 tháng 6 năm 2019 do công nợ tồn đọng lâu năm và các nhà cung cấp đã ngừng hoạt động.

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	USD	USD
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân công	325.867	317.407
Chi phí dụng cụ sản xuất	8.975	10.684
Chi phí khấu hao TSCĐ	25.876	26.160
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.160	23.163
Các chi phí bằng tiền khác	86.314	109.715
	<b>450.192</b>	<b>487.129</b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân công	698.198	749.397
Chi phí dụng cụ sản xuất	9.195	19.863
Chi phí khấu hao TSCĐ	28.078	24.942
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.927	62.462
Các chi phí bằng tiền khác	149.095	166.783
<b>Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(9.000)	-
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp thôi việc	-	(90.092)
	<b>943.493</b>	<b>933.355</b>

**26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất phổ thông được hướng dẫn tại các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo 20% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này USD	Kỳ trước USD
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho kỳ hiện tại</b>		
<b>(Lỗ)/Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(3.353.070)</b>	<b>30.355</b>
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế và điều chỉnh khác</i>	14.191	285.131
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	90.892	93.074
<i>Cộng: Giá trị chip trôi nổi cuối kỳ</i>	45.507	63.294
<b>Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành</b>	<b>(3.230.862)</b>	<b>(98.408)</b>
<i>Thu nhập chịu thuế suất thông thường</i>	-	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**27. (LỖ)/LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Kỳ này	Kỳ trước
(Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (USD)	(3.354.870)	15.337
(Lỗ)/Lãi phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (USD)	(3.354.870)	15.337
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	70.368.754	70.368.754
<b>(Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu (USD)</b>	<b>(0,0477)</b>	<b>0,0002</b>

**28. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết như sau:

**Cam kết đầu tư**

Ngày 21 tháng 4 năm 2015, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt tăng tổng mức đầu tư cho nhà hàng đa năng lên mức khoảng 200 tỷ VND (tương đương 9,5 triệu USD theo tỷ giá tạm tính 21.000 VND/USD). Nhà đa năng đã được đầu tư từ ngày 10 tháng 4 năm 2015. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, giá trị đã đầu tư là 2.556.632 USD và tổng giá trị các hợp đồng xây dựng và lắp đặt, mua thiết bị cho Công ty đã ký nhưng chưa thực hiện là 542.325 USD.

Ngày 25 tháng 6 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc tăng vốn đầu tư từ 67 triệu USD lên 120 triệu USD theo Nghị quyết số 2017/NQ-HĐCĐTN để phục vụ nhu cầu sửa chữa khu biệt thự và kế hoạch đầu tư xây dựng mở rộng kinh doanh của Công ty trong tương lai.



***Cam kết mua sắm xây dựng tài sản cố định***

Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2019, tổng giá trị các hợp đồng xây dựng và lắp đặt, mua thiết bị cho Công ty (không bao gồm giá trị hợp đồng liên quan đến nhà hàng đa năng) đã ký nhưng chưa thực hiện là 650.765 USD (31 tháng 12 năm 2018: 1.225.695 USD).

***Cam kết trả tiền thuê đất***

Theo Giấy phép đầu tư số 953 CPH/GP ngày 15 tháng 6 năm 2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất cho Nhà nước Việt Nam từ tháng thứ 8 của năm thứ 27 kể từ ngày cấp Giấy phép đầu tư lần đầu vào ngày 13 tháng 8 năm 1994. Giá tiền thuê được xác định theo thời giá tại thời điểm thực hiện thuê.

**29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

***Danh sách các bên liên quan:***

**Bên liên quan**

**Mối quan hệ**

Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp

Công ty mẹ

***Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:***

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Thu nhập của Ban Giám đốc	39.173	39.481

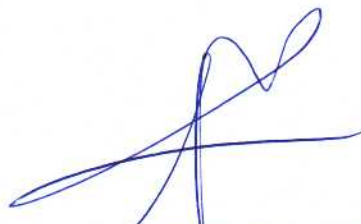
**30. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm số tiền 293.708 USD (kỳ 6 tháng đầu năm 2018: 245.872 USD) là số tiền dùng để mua thêm tài sản cố định phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán và đã bao gồm số tiền 359.075 USD (kỳ 6 tháng đầu năm 2018: 504.298 USD) trả trước cho nhà cung cấp để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả, các khoản phải thu tương ứng.



**Mai Thị Dung**  
Người lập biểu

Ngày 12 tháng 8 năm 2019



**Cao Thị Huyền**  
Kế toán trưởng



**Phạm Ngọc Nam**  
Phó Tổng Giám đốc